

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 19 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

V/v Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ái Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Quang Hiến

2, Ông Phan Duy Hưng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số: 32/2020/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thu Ph, Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 2, xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 4, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Thu Ph trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn Q ngày 15/11/2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q có quan hệ tình cảm với người khác, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Nay chị Phương xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị Ph xác định chị và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Quốc Ph, sinh ngày 04/06/2002. Hiện cháu Ph đang ở cùng chị tại Hạ Hòa. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Ph và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về Công sức: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn anh Phạm Văn Q đã được Tòa án nhân dân huyện Tam Nông gửi giấy báo đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt.

3. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phạm Quốc Ph là con trai của chị Ph và anh Q, cháu đề nghị được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020 ông Phạm Văn L (bố đẻ anh Q) trình bày: Tôi là bố đẻ của anh Phạm Văn Q và là bố chồng chị Dương Thị Thu Ph. Năm 2000 anh Q và chị Ph có kết hôn với nhau và có đăng ký tại UBND xã Quang Húc. Sau khi kết hôn anh Q, chị Phương sống cùng với gia đình tôi, quá trình chung sống thì giữa anh Q và chị Ph không hợp nhau nên chị Ph đã đưa con về nhà ngoại nhiều năm nay, thỉnh thoảng có đưa con về thăm vợ chồng tôi. Hiện nay anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú và sống cùng với vợ chồng tôi tại khu 4, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh Q là lao động tự do nên hay phải đi làm vắng nhà. Nay chị Ph làm đơn xin ly hôn anh Q tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Tòa án có gửi các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Q, anh Q đi làm vắng, tôi có nhận được và có thông báo cho anh Q, nhưng

anh Q nói là bận đi làm không đến tòa án được, đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt theo đơn xin ly hôn của chị Ph. Anh Q, chị Phương có 01 con chung là cháu Phạm Quốc Ph, sinh ngày 04/06/2002 hiện cháu đang ở cùng với chị Ph, khi giải quyết ly hôn đề nghị giao cháu cho chị Ph nuôi dưỡng vì cháu đã ở cùng chị Ph nhiều năm nay. Về tài sản chung, công nợ thì anh Q, chị Phg không có. Hiện tại tôi cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh Q vì anh Q là lao động tự do nên hay thay đổi chỗ làm và chỗ ở không cố định một chỗ, nhưng anh Q vẫn thường xuyên gọi điện, liên lạc về hỏi thăm sức khỏe vợ chồng tôi. Quan điểm của tôi là thực tế anh Q và chị Ph đã không sống được với nhau nhiều năm nay, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

5. Qua xác minh tại UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ ngày 23/6/2020 thấy rằng: Anh Phạm Văn Q và chị Dương Thị Thu Ph có đăng ký kết hôn 15/11/2000 tại UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh Q hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Chị Ph hiện không đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã Quang Húc mà về nhà bố mẹ đẻ ở xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Anh Q hiện là lao động tự do thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà và địa phương. Hiện nay chị Ph làm đơn xin ly hôn anh Q tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Tòa án có gửi giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Q thông qua UBND xã, sau khi nhận được UBND xã có cử cán bộ vào nhà anh Q giao trực tiếp cho người nhà anh Q, người nhà anh Q cam đoan sẽ giao cho anh Q, còn việc anh Q có đến Tòa án làm việc hay không thì địa phương không biết. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Q và chị Ph có trực tiếp mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết rõ, chỉ biết rằng chị Ph và anh Q không chung sống với nhau tại địa phương từ lâu, chị Ph đã đưa con về nhà đẻ ở. Nay chị Ph xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

6. Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Xử cho chị Dương Thị Thu Ph được ly hôn anh Phạm Văn Q. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm Quốc Ph, sinh ngày 04/06/2002 cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Phương tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ, công sức: không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ph phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ph xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Q đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, và tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh Q đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Ph và anh Q là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 15/11/2000. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Ph và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Ph thì do anh Q có quan hệ tình cảm với người khác, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Nay chị Ph xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh Q biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị Ph và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020 ông Phạm Văn L (bố đẻ anh Q) trình bày: Năm 2000 anh Q và chị Ph có kết hôn với nhau và có đăng ký tại UBND xã Quang Húc. Sau khi kết hôn anh Q, chị Ph sống cùng với gia đình tôi, quá trình chung sống thì giữa anh Q và chị Ph không hợp nhau nên chị Ph đã đưa con về nhà ngoại nhiều năm nay, thỉnh thoảng có đưa con về thăm vợ chồng tôi. Nay chị Ph làm đơn xin ly hôn anh Q tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Quan điểm của tôi là thực tế anh Q và chị Ph đã không sống được với nhau nhiều năm nay, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Ngày 23/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị Ph và anh Q được đại diện chính quyền địa phương cung cấp thấy rằng: Anh Phạm Văn Q và chị Dương Thị Thu Ph có đăng ký kết hôn 15/11/2000 tại UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Q và chị Ph có trực tiếp mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết rõ, chỉ biết rằng chị Ph và anh Q không chung sống với nhau tại địa phương từ lâu, chị Ph đã đưa con về nhà đẻ ở. Nay chị Ph xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Vì vậy cần xử cho chị Ph được ly hôn anh Q là phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Ph và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Quốc Ph, sinh ngày 04/06/2002. Hiện cháu Ph đang ở cùng chị Ph. Khi ly hôn chị Ph đề nghị được nuôi cháu Ph và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Nguyên vọng của cháu Ph xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Chính vì vậy để đảm bảo

quyền lợi cho con chung cần xử giao cho chị Ph được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Quốc Ph, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Ph tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: chị Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ph phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. **Xử:** Cho chị Dương Thị Thu Ph được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc Ph, sinh ngày 04/06/2002 cho chị Ph được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Ph tự nguyện không yêu cầu. Anh Q được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị Thu Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Ph đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0002577 ngày 06/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Quang Húc
- Lưu HS-VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Ái Nguyên

